TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày 07/11/2019
" *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và gửi giữ tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Trọng Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão
2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2019/TLST – DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gửi giữ tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST- DS, ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/QĐST-DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh V, sinh năm 1965, có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 và bà Lê Thị N, sinh năm 1977, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N: Ông Nguyễn Văn C, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Đặng Thị Thanh V trình bày:

Tôi và vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N có quen biết nhau, không có họ hàng hay mâu thuẫn gì cả. Ngày 01/01/2019 ông Nguyễn Văn C đã đến nhà tôi vay số tiền là 300.000.000 đồng, ngày 14/02/2019 vay 50.000.000 đồng, ngày

06/4/2019 vay 150.000.000 đồng, ngày 07/4/2019 vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng ông C vay của tôi số tiền 550.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2018 tôi có gửi ông C 500 kg cà phê nhân quy chuẩn.

Sau khi nhận 500 kg cà phê ông C đã ghi và ký giấy đề ngày 01/1/2019, 14/12/2018, 14/02/2019, 06/4/2019, 07/4/2019,

Từ thời điểm vay và chốt cà phê đến nay ông C chưa trả cho khoản tiền nào và cũng không trả cà phê cho tôi.

Vợ ông Nguyễn Văn C là bà Lê Thị N không ký vào giấy chốt nợ nhưng có biết sự việc và cùng làm ăn với ông C và việc làm ăn của ông C vì mục đích chung của gia đình.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N trả cho tôi số tiền số tiền là 550.000.000 đồng tiền gốc và 500 kg cà phê nhân quy chuẩn.

Qúa trình tố tụng ông Nguyễn Văn C là bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N trình bày:

Lời trình bày của phía nguyên đơn là đúng. Vợ chồng tôi có làm ăn với bà V đã lâu. Ngày 14/02/2019, 06/4/2019, 07/4/2019, 01/1/2019 tôi đã vay của bà V tổng cộng 550.000.000 đồng, ngày 14/12/2018 nhận của bà V 500 kg cà phê nhân quy chuẩn. Sau khi nhận đủ số tiền và cà phê trên tôi tự viết và ký vào giấy nhận tiền và cà phê mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Vì điều kiện khó khăn nên vợ chồng tôi chưa trả được khoản tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Vợ tôi là Lê Thị N có biết việc làm ăn của tôi nhưng không ký giấy gửi cà phê và vay tiền. Tuy nhiên, vợ chồng tôi làm ăn chung và tiền lãi vì mục đích chung gia đình nên vợ chồng tôi có trách nhiệm liên đới đối với nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Thanh V.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N trả cho bà Đặng Thị Thanh V số tiền là 550.000.000 đồng tiền gốc và 500 kg cà phê nhân quy chuẩn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gửi giữ tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Nguyễn Văn C) vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về nội dung vụ án:* Ngày 01/01/2019 ông Nguyễn Văn C đã vay của bà Đặng Thị Thanh V 300.000.000 đồng, ngày 14/02/2019 vay 50.000.000 đồng, ngày 06/4/2019 vay 150.000.000 đồng, ngày 07/4/2019 vay 50.000.000 đồng, ngày 01/01/2019 vay tiếp 300.000.000 đồng. Tổng cộng ông C vay của bà V số tiền 550.000.000 đồng. Trong giấy vay không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm, không thế chấp tài sản. Ông C đã trả lãi cho bà V đến tháng 4 năm 2019 thì không trả nữa.

Ngày 14/12/2018 bà V có gửi ông C 500 kg cà phê nhân quy chuẩn vào kho của ông C. Khi nào cần thì lấy cà phê về, nếu muốn thì bà V bán lại cho ông C.

[3.1]. Tại bản tự khai ngày 08/8/2019 (bút lục 16) ông C có khai *"Công ty C N có mượn số tiền của bà Đặng Thị Thanh V số tiền 550.000.000đ..."*. Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các giấy vay tiền thể hiện *"1/1/19 Cơ mượn chị V số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) Nguyễn Văn C"* (bút lục 29), *"14/2/19 Cơ mượn chị V 50.000.000 (Năm mươi triệu) Nguyễn Văn C"*, *"6/4/19 Cơ mượn chị V (150.000.000) Một trăm năm mươi triệu"*, *"7/4/19 mượn 50.000.000 (Năm mươi triệu) Nguyễn Văn C"* (bút lục 28). Như vậy, toàn bộ nội dung vay đều thể hiện ông C viết giấy vay với tư cách cá nhân, không phải đại diện theo pháp luật của công ty. Vì vậy, ông C cho rằng khoản nợ trên là của công ty Cơ Nhật là không có căn cứ.

[3.2]. Mặc dù bà Lê Thị N (vợ ông C) không ký nhận trong giấy vay tiền và giấy nhận cà phê nhưng bà Vân nhiều lần cho ông C vay tiền và việc vay tiền đều được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông C, bà N với mục đích để làm ăn, lo cho gia đình; mặt khác ông C, bà N đang sinh sống trong cùng một nhà, việc ông C thường xuyên vay tiền và vay một số tiền lớn của bà V thì bà N biết và phải biết việc vay mượn tiền trên.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà V cho vợ chồng ông C vay 550.000.000đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2019, 14/2/2019, 6/4/2019 và 07/4/2019 là các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Đồng thời bà V đã gửi vợ chồng ông C 500 kg cà phê nhân quy chuẩn theo Giấy gởi cà phê ngày 14/12/2018 là các bên đã xác lập "Hợp đồng gửi giữ tài sản" được quy định tại 554 Bộ luật dân sự. Mặc dù bà V nhiều lần đến

đòi tiền cho vay và cà phê đã gửi, nhưng vợ chồng ông C không trả là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay và bên nhận gửi giữa tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 557 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ gốc 550.000.000đ và 500 kg cà phê nhân quy chuẩn là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơ được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Số tiền nợ gốc là 550.000.000đồng và 500kg cà phê nhân quy chuẩn có giá tại thời điểm xét xử là 33.000.000đồng/1 tấn : 2 = 16.500.000đồng. 550.000.000đồng + 16.500.000đồng = 566.500.000đồng, cụ thể án phí phải chịu là: 566.500.000đồng = 20.000.000đồng + (166.500.000đồng x 4% = 6.660.000đồng) 20.000.000đồng + 6.660.000đồng = 26.660.000đồng tiền án phí DSST.

Bà Đặng Thị Thanh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 554; Điều 557; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh V.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N phải trả cho bà Đặng Thị Thanh V số tiền 550.000.000 đồng và 500 kg cà phê nhân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N phải chịu 26.660.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Đặng Thị Thanh V 13.440.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013953 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi

hành án huyện Cư M’gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk ;*
- *VKS huyện CưM’gar;*
- *T.H.A Dân sự huyện CưM’gar ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trọng Phụng